

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của
Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN MIỀN NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1051/CBTT-PBMN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;
- Quý Cổ đông.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

- Mã chứng khoán: SFG
- Địa chỉ: 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 02838.325.889. Fax: 02838.322.807
- E-mail: congtu@phanbonmiennam.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam công bố Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 25/6/2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/6/2025 tại đường dẫn <http://www.phanbonmiennam.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP PHÂN BÓN MIỀN NAM
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Nguyễn Hồng Trường

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/NQ-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp thứ 09 – năm 2025 HĐQT Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty số 09/BB-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy chế Công bố thông tin Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam. (Quy chế kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Tập đoàn HCVN;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.



Số: 20 /QĐ-HĐQT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ/HĐQT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Tập đoàn HCVN (để báo cáo);
- Đảng ủy Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quý

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2025
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 68/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính; Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; việc phối hợp quan hệ công tác giữa các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Các đối tượng có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin được quy định trong Quy chế này bao gồm:

- Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam;
- Người nội bộ của công ty và người có liên quan người nội bộ;
- Người thực hiện công bố thông tin của Công ty;
- Người phụ trách quản trị Công ty;
- Cổ đông;
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

1. Các từ viết tắt

Stt	Từ viết tắt	Giải thích
1	CBTT	Công bố thông tin
2	SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán

3	TCTLKVBTKVN	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
4	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
5	HĐQT	Hội đồng quản trị
6	TV	Thành viên
7	BKS	Ban Kiểm soát
8	NQ	Nghị quyết
9	BCTC	Báo cáo tài chính
10	BCTN	Báo cáo thường niên
11	BC	Báo cáo
12	TT-BTC	Thông tư của Bộ Tài chính
13	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
14	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

2. Giải thích từ ngữ: Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Công ty* là Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam;
- b) *Quy chế* là Quy chế công bố thông tin này;
- c) *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:
 - Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
 - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
- c) *Người nội bộ của Công ty* là: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Bộ phận kiểm toán nội bộ; thư ký Công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
- d) *Người có liên quan của người nội bộ Công ty* là: Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- g) Công đoàn Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với “người nội bộ”;

h) *Ngày CBTT* là ngày thông tin xuất hiện trên các phương tiện thông tin theo quy định tại Quy chế này và quy định của Pháp luật;

i) Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

k) *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập;

l) *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định theo quy định tại khoản 12, Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC và các đối tượng khác được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. CBTT của SFG phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK và trên website của SFG.

2. Ngôn ngữ CBTT trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt, SFG thực hiện CBTT đồng thời bằng tiếng Anh theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 68/2024/TT- BTC ngày 18/9/2024, Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt sẽ được áp dụng. SFG thực hiện CBTT đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình được quy định tại Thông tư số 68/2024/TT-BTC.

3. Thông tin công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật và phải được bảo đảm:

a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK nơi đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin;

3. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu trữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của các đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu trữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin trong tối thiểu 05 năm.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT của SFG.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì một thành viên của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.

3. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử ...).

2. Việc thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty:

a) Công ty báo cáo UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

4. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính		
1.1	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: • Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. • Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại. • Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
1.2	BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	
1.3	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	
2	Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
3	Báo cáo quản trị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC		
3.1	Báo cáo tình hình quản trị bán niên	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	Đối với SGDCK, SFG gửi hai (02) bản báo cáo gồm: Một (01) bản báo cáo đầy đủ các nội dung và một (01) bản rút gọn không bao gồm các

3.2	Báo cáo tình hình quản trị năm	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.	thông tin cá nhân theo mẫu tại Phụ lục V ban hành theo Thông tư 96/2020/TT- BTC
4	Bản cung cấp thông tin về quản trị theo Quy chế CBTT tại SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh		
4.1	Bản cung cấp thông tin về quản trị bán niên	Chậm nhất là ngày 30/7	Tài liệu bao gồm: • Một (01) bản báo cáo theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 theo Quy chế CBTT tại SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh. • Một (01) bản dữ liệu điện tử theo mẫu
4.2	Bản cung cấp thông tin về quản trị năm	Chậm nhất là ngày 30/01 của năm tiếp theo	
5	Họp Đại hội đồng cổ đông		
5.1	Họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường		
	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	
	Thư mời và tài liệu ĐHĐCĐ	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Phải CBTT trên trang thông tin điện tử của SFG và UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: • Thông báo hoặc thư mời họp gửi đến toàn cổ đông; • Chương trình họp; • Phiếu biểu quyết; Tài liệu sử dụng trong cuộc họp và Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

	Bầu cử HĐQT, BKS hoặc TV HĐQT, TV BKS, nếu đã xác định được ứng cử viên HĐQT, BKS	Tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Phải CBTT trên trang thông tin điện tử của SFG
	Cập nhật tài liệu ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24h kể từ khi ban hành	Phải CBTT trên trang thông tin điện tử của SFG: Các tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có). Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, Nghị quyết.
5.2	Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến đến tất cả các cổ đông	SFG phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết

Điều 8. Công bố thông tin về hoạt động chào bán chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn	Ghi chú
	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	Phải công bố Bản thông báo phát hành trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của SFG. Đồng thời, Bản thông báo phát hành và Bản cáo bạch chính thức cũng phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của SFG và SGDCK. (Mẫu Bản thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng thực hiện theo Phụ lục số 13 Thông tư 118/2020/TT-BTC)

		Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán	Tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN và CBTT kết quả chào bán, gồm: • Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng (theo mẫu tại Phụ lục số 21 ban hành theo Thông tư 118/2020/TT-BTC). • Xác nhận của Ngân hàng nơi SFG mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán (ngoại trừ trường hợp chào bán cổ phiếu để hoán đổi theo quy định tại Thông tư 118/2020/TT- BTC)
2	Báo cáo huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư	Định kỳ 06 tháng từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền đã huy động	Phải báo cáo UBCKNN tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án (theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP). Và CBTT trên trang thông tin điện tử của SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc các thời hạn phát hành. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, SFG phải báo cáo UBCKNN (theo Mẫu số 02 phụ lục ban hành theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và CBTT nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của SFG, SGDCK. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại ĐHĐCĐ gần nhất

Điều 9. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn	Ghi chú
1	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của SFG và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu		CBTT trên trang thông tin điện tử của SFG, của SGDCK, TCTLKVBTKVN

			và hệ thống CBTT của UBCKNN
2	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ	• BC 06 tháng đầu năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/5 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10/6. • BC 06 tháng cuối năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10/12. • Hoặc thời điểm khác theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	SFG gửi Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ SFG theo sổ cổ đông gần nhất tại thời điểm 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm dương lịch đến SGDCK

Điều 10. Công bố thông tin bất thường

Trong thời gian 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất thường sau đây, SFG phải CBTT trong đó nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có):

1. Tài khoản của SFG tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.

2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi SFG có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.

3. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, SFG phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cả đông lớn;

4. Quyết định mua lại cổ phiếu của SFG hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

6. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.

7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.

9. Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của SFG.

10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

11. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp

thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Đối với SGDCK thì gửi kèm Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu tại Quy chế của SGDCK và các quy định pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế.

12. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.

13. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.

14. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.

15. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.

16. Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.

17. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

18. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.

19. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.

20. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

21. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

22. CBTT về ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Việc CBTT về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định của SFG và của pháp luật.

23. Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, SFG phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

24. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ

đồng hiện hữu: SFG phải CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (trừ trường hợp CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ thì phải tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến).

25. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, SFG phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

26. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, SFG công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, SFG phải CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi SFG niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 12. Công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu một số trường hợp đặc biệt

Stt	Tên báo cáo	Thời hạn	Ghi chú
1	CBTT phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là ngày kết thúc đợt phát hành	Phụ lục 17 Thông tư số 118/2020/TT-BTC
2	CBTT phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho	Ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày	Phụ lục 18 Thông tư số 118/2020/TT-BTC

	người lao động trong SFG	chuyển quyền sở hữu cổ phiếu cho người lao động	
3	BC kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền	Phụ lục 28 Thông tư số 118/2020/TT-BTC
4	BC kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong SFG	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động	Phụ lục 29 Thông tư số 118/2020/TT-BTC

Điều 13. Công bố thông tin mua lại cổ phiếu

Stt	Tên báo cáo	Thời hạn	Ghi chú
1	CBTT mua lại cổ phiếu của chính SFG	Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại	Phụ lục 35 Thông tư số 118/2020/TT-BTC
2	BC kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu	Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu	Phụ lục 39 Thông tư số 118/2020/TT-BTC
3	Thông báo quyết định của SFG về việc thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày có quyết định	Phụ lục 37 Thông tư số 118/2020/TT-BTC
4	Thông báo thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận	Phụ lục 38 Thông tư số 118/2020/TT-BTC

Điều 14: Công bố thông tin về chào mua công khai

Stt	Tên báo cáo	Thời hạn	Ghi chú
1	CBTT chào mua công khai	Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Phụ lục 20 Thông tư số 118/2020/TT-BTC
2	BC kết quả giao dịch chào mua công khai	Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu	Phụ lục 39 Thông tư số 118/2020/TT-BTC
3	Thông báo quyết định của SFG về việc thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày có quyết định	Phụ lục 37 Thông tư số 118/2020/TT-BTC
4	Thông báo thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận	Phụ lục 38 Thông tư số 118/2020/TT-BTC

Điều 15. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của SFG, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn SFG phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho SFG, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của SFG khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho SFG, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của SFG; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của SFG thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do SFG mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc SFG phát hành thêm cổ phiếu.

6. SFG phải công bố trên trang thông tin điện tử của SFG trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của SFG và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của SFG phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), SFG khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu

đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC;

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 96/2020/TT-BTC thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

3. Quy định về nghĩa vụ CBTT tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp SFG bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của SFG hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của SFG hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, SFG phải công bố trên trang thông tin điện tử của SFG.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của người CBTT

1. Người được ủy quyền CBTT là đầu mối thu thập các thông tin, kiểm tra, đối chiếu tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, CBTT và thực hiện nghĩa vụ CBTT của SFG theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Người được ủy quyền CBTT được yêu cầu các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc Công ty cung cấp các thông tin để thực hiện CBTT đúng quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Tổng Giám đốc về việc thực hiện CBTT.

4. Thực hiện các công việc khác được giao.

Điều 18. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc Công ty trong việc cung cấp thông tin cho người được ủy quyền CBTT

1. Người nội bộ, Giám đốc các phòng chức năng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty chủ động phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin định kỳ để CBTT và các thông tin khác theo yêu cầu của người được ủy quyền CBTT.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin cung cấp.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế CBTT được phổ biến đến toàn bộ các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân của SFG.

2. Đơn vị, cá nhân thuộc SFG có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây ra thiệt hại cho SFG liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản pháp luật thay thế.
3. Trường hợp pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các nội dung của Quy chế này trái với quy định pháp luật hoặc có những nội dung mà Quy chế này không quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định khác của SFG có liên quan. /.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quý